

DANH MỤC

Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần
thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2021
(Ban hành kèm theo Quyết định số 341 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 70 văn bản | | | | | |
| I. Lĩnh vực: Tài chính | | | | | |
| 1. | Nghị quyết | 04/2013/NQ-HĐND Ngày 17/4/2013 Về việc quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và phân cấp nhiệm vụ chi thực hiện công tác dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điểm đ, khoản 1, Điều 1 - Điểm a, điểm d khoản 1 Điều 1 | - Do Điểm d Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; ở thôn, bản (gọi chung là thôn), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thay thế. - Do Điều 4 Nghị quyết 12/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về số lượng và chế độ phụ cấp đối với Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; mức phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. | 22/12/2014 26/7/2021 |
| 2. | Nghị quyết | 03/2018/NQ-HĐND Ngày 30/3/2018 Quy định phân cấp quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, | - Điều 9, Điều 30 | Do Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 26/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số | 05/9/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | | 03/2018/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung. | |
| 3. | Nghị quyết | 14/2019/NQ-HĐND Ngày 19/8/2019 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế | - Khoản 5 Điều 1 | Do Điều 1 Nghị quyết 10/2020/NQ-HĐND ngày 28/08/2020 sửa đổi Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 14/2019/NQ-HĐND quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế do tỉnh Thừa Thiên Huế. | 01/9/2020 |
| 4. | Quyết định | 11/2013/QĐ-UBND Ngày 02/04/2013 Quy định về chế độ học bổng cho lưu học sinh Lào theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 4 | Do Điều 1 Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung chế độ học bổng cho lưu học sinh Lào theo chỉ tiêu của tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung. | 08/11/2016 |
| 5. | Quyết định | 22/2013/QĐ-UBND Ngày 17/06/2013 Quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và phân cấp nhiệm vụ chi thực hiện công tác dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7 Điều 1 | Do Điều 1 Quyết định số 64/2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bãi bỏ khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7 Điều 1 Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định một số chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ và phân cấp nhiệm vụ chi thực hiện công tác Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. | 20/10/2021 |
| 6. | Quyết định | 30/2014/QĐ-UBND | - Điểm a, b và c, Khoản 1 | - Do Điều 4 Quyết định số 33/2017/QĐ- | |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | | Ngày 25/6/2014 Quy định mức thủy lợi phí, tiền nước, phí dịch vụ thủy lợi nội đồng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | Điều 1 - Điểm d, Khoản 1, Điều 1 | UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. - Do Điều 5 Quyết định số 95/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định giá dịch vụ thủy lợi đối với vùng được tạo nguồn nước tưới, mở đường nước tiêu, ngăn mặn giữ ngọt và tưới tiêu chủ động một phần từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định thay thế. | 01/6/2017 01/12/2017 |
| 7. | Quyết định | 07/2015/QĐ-UBND Ngày 30/01/2015 Quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 2 | Do Điều 1 Quyết định số 78/2016/QĐ-UBND ngày 15/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định tỷ lệ % tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi. | 01/12/2016 |
| 8. | Quyết định | 26/2015/QĐ-UBND Ngày 15/7/2015 Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1; Khoản 5 Điều 6; Khoản 2 Điều 8; Khoản 17 Điều 18; Điều 26 - Bổ sung Khoản 13, 14 và 15 vào Điều 7; Điều 15; điểm n, o và p vào Khoản 4 Điều 18; Khoản 17 Điều 18; Điều 27 | Do Điều 1 Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định 26/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung. | 01/7/2017 |
| 9. | Quyết định | 54/2016/QĐ-UBND | Điều 1 sửa đổi nội dung: Mức | Do Điều 1 Quyết định số 92/2016/QĐ- | 10/01/2017 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | Ngày 19/8/2016 Về việc phê duyệt phương án giá nước sạch và ban hành Biểu giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | thu chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng 40 đồng/m ³ nước tiêu thụ theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. | UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi nội dung về mức thu chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng quy định tại Điều 1 Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án giá nước sạch và ban hành Biểu giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi. | |
| 10. | Quyết định | 88/2016/QĐ-UBND Ngày 15/12/2016 Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 - 2020 | - Phụ lục 1 - Phụ lục 2 | - Do Điều 1 Quyết định số 83/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung danh mục các doanh nghiệp có nguồn thu được phân cấp ngân sách tỉnh hưởng 100% quy định sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 1 Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Phụ lục 2 của Quy định kèm theo Quyết định 88/2016/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia ngân sách giữa các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2017 – 2020 quy định sửa đổi, bổ sung. | 10/01/2020 12/9/2021 |
| 11. | Quyết định | 48/2017/QĐ-UBND Ngày 21/6/2017 Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn | - Phụ lục V | - Do Điều 1 Quyết định số 60/2018/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy | 08/11/2018 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|---|
| | | ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung Phụ lục VII; bổ sung thứ tự V vào Bảng giá theo diện tích sử dụng tại phần II Phụ lục VIII - Mục A Phụ lục I - Phụ lục II | <p>ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do Điều 1 Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 18/03/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Phụ lục VII và Phụ lục VIII ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 1 Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Mục A Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi. - Do Điều 1 Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Phụ lục II giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện A Lưới, tỉnh Thừa | <ul style="list-style-type: none"> 01/4/2021 05/7/2021 26/8/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| | | | | Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung. | |
| 12. | Quyết định | 94/2017/QĐ-UBND Ngày 15/11/2017 Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Phụ lục 2 | Do Điều 1 Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 94/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung. | 15/3/2021 |
| 13. | Quyết định | 05/2018/QĐ-UBND Ngày 12/01/2018 Ban hành giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Bổ sung gạch ngang (-) thứ ba vào sau gạch ngang thứ hai mục Đối với xe buýt ra vào bến quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 | Do Điều 1 Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung về giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô quy định tại Điều 3 theo Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá dịch vụ xe ra vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bổ sung. | 15/01/2020 |
| 14. | Quyết định | 09/2018/QĐ-UBND Ngày 02/02/2018 Quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên | - Sửa đổi Khoản 5 Điều 2; Bổ sung điểm c vào khoản 3 Điều 3 | - Do Điều 1 Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày | 10/4/2018 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 2, Điều 3 | 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung. - Do Quyết định số 40/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. | 20/7/2020 |
| 15. | Quyết định | 71/2018/QĐ-UBND Ngày 14/12/2018 Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều chỉnh Phụ lục I, II, III và bổ sung Phụ lục VI - Phụ lục III | - Do Điều 1 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 71/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định điều chỉnh. - Do Điều 1 Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm “Hạt ươi” vào Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 71/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bổ sung. | 01/6/2020 19/11/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| 16. | Quyết định | 07/2019/QĐ-UBND Ngày 19/01/2019 Ban hành quy định việc lựa chọn nhà thầu để mua sắm tài sản công nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 3 | Do Điều 1 Quyết định số 61/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định việc lựa chọn nhà thầu để mua sắm tài sản công nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. | 10/12/2020 |
| 17. | Quyết định | 24/2019/QĐ-UBND Ngày 20/5/2019 Ban hành Quy chế mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 4, Điều 10 | Do Điều 1 Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quy chế mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. | 20/9/2021 |
| 18. | Quyết định | 57/2019/QĐ-UBND Ngày 25/9/2019 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế | - Khoản 5 Điều 1 | Do Điều 1 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 15/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi khoản 5 Điều 1 Quyết định 57/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cố đô Huế | 25/11/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| | | | | sửa đổi. | |
| 19. | Quyết định | 12/2021/QĐ-UBND Ngày 04/3/2021 Quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điểm e, Khoản 1; điểm c, Khoản 2; điểm đ, Khoản 3 Điều 1 | Do Quyết định số 72/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bổ sung. | 10/12/2021 |
| II. Lĩnh vực: Tài nguyên và Môi trường | | | | | |
| 20. | Nghị quyết | 09/2017/NQ-HĐND Ngày 31/3/2017 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điểm b khoản 1 Điều 1 | Do Điều 1 Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi. | 18/5/2020 |
| 21. | Nghị quyết | 11/2017/NQ-HĐND Ngày 31/3/2017 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điểm b khoản 1 Điều 1 | Do Điều 1 Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 08/5/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bổ sung. | 18/5/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | | | Thiên Huế ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2019/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung. | |
| 25. | Quyết định | 33/2014/QĐ-UBND Ngày 30/6/2014 Ban hành Quy định hạn mức giao đất ở; hạn mức công nhận đất ở đối với đất vườn, ao trong cùng thửa đất đang có nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 5 Điều 3 | Do Điều 1 Quyết định 59/2021/QĐ-UBND ngày 30/08/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định hạn mức giao đất ở; hạn mức công nhận đất ở đối với đất vườn, ao trong cùng thửa đất đang có nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bổ sung. | 11/10/2021 |
| 26. | Quyết định | 71/2014/QĐ-UBND Ngày 26/11/2014 Quy định quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 3, Điều 13; Khoản 2 Điều 14; Khoản 1 Điều 22 và Điều 39 - Điều 35 | - Do Điều 1 Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 1 Quyết định số 51/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ Điều 35 của Quy định quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định | 15/8/2017 25/9/2018 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | | | số 71/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bãi bỏ. | |
| 27. | Quyết định | 07/2017/QĐ-UBND Ngày 10/02/2017 Ban hành quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô trang trại, công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 10 Điều 5, Điều 7 - Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 8 | - Do Điều 1 Quyết định 04/2021/QĐ-UBND ngày 25/1/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017 ngày 10 tháng 2 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. - Do khoản 2 Điều 3 Quyết định 04/2021/QĐ-UBND ngày 25/1/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2017 ngày 10 tháng 2 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. | 05/02/2021 |
| 28. | Quyết định | 40/2017/QĐ-UBND Ngày 25/5/2017 Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điểm b khoản 1 Điều 1 | Do Điều 1 Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 40/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. | 28/6/2020 |
| 29. | Quyết định | 41/2017/QĐ-UBND Ngày 25/5/2017 | - Điểm b khoản 1 Điều 1 | Do Điều 1 Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Ủy ban nhân | 28/6/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| | | Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | | dân tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. | |
| 30. | Quyết định | 98/2017/QĐ-UBND Ngày 01/12/2017 Ban hành Quy định quản lý, cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 1; Điểm b Khoản 2, Điều 5; Khoản 2 Điều 7; Điểm a Khoản 2 Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Quyết định - Phụ lục Danh mục các mẫu văn bản ban hành kèm theo Quyết định số 98/2017/QĐ-UBND, gồm: Mẫu 01; Mẫu 02; Mẫu 03; Mẫu 04; Mẫu 05; Mẫu 06 | - Do Điều 1 Quyết định số 73/2019/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 98/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi. - Điều 2 Quyết định số 73/2019/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 98/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. | 09/12/2019 |
| 31. | Quyết định | 29/2018/QĐ-UBND Ngày 14/5/2018 Ban hành Quy định quản lý, sử dụng và cho thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 8; Điều 9; Khoản 8 Điều 11; Khoản 3, Điều 13 | Do Điều 1 Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định quản lý, sử dụng và cho thuê đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích trên | 01/8/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| | | | | địa bàn tỉnh quy định sửa đổi, bổ sung. | |
| 32. | Quyết định | 67/2018/QĐ-UBND Ngày 26/11/2018 Về trình tự, thủ tục thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Tiêu đề của Điều 16 Quy định ban hành kèm theo Quyết định - Khoản 11, Điều 3 và Điều 15 Quy định ban hành kèm theo Quyết định - Cụm từ “theo Điều 11” thành cụm từ “theo Điều 12” tại các khoản 1, khoản 2 Điều 17 Quy định ban hành kèm theo Quyết định | - Do Điều 1 Quyết định số 66/2019/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 67/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi. - Do Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 66/2019/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bãi bỏ. - Do Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 66/2019/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thay đổi. | 01/11/2019 |
| 33. | Quyết định | 80/2019/QĐ-UBND Ngày 21/12/2019 Ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020 - 2024) | - Phụ lục 5 khoản 4 Điều 15; Mục III khoản 4 Điều 21 Quy định ban hành kèm theo Quyết định - Khoản 2 Điều 4; Phụ lục 1; Phụ lục 5; Phụ lục VI, Điều 21, Khoản 4 Điều 22 Quy định ban hành kèm theo Quyết định | - Do Điều 1 Quyết định số 49/2020/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung một số điều tại Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bổ sung. - Do Điều 1 Quyết định 39/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 80/2019/QĐ-UBND ngày 21/12/2019 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá đất trên | 22/9/2020 15/7/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | | | địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế áp dụng trong thời gian 5 năm (2020 - 2024) sửa đổi, bổ sung. | |
| III. Lĩnh vực: Văn hóa, Thể thao | | | | | |
| 34. | Nghị quyết | 19/2012/NQ-HĐND Ngày 10/12/2012 Quy định một số chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 1 Điều 1 | Do Điều 5 Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao tỉnh Thừa Thiên Huế quy định thay thế. | 20/12/2018 |
| 35. | Quyết định | 42/2012/QĐ-UBND Ngày 21/12/2012 Quy định một số chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 3 Điều 2 - Điều 1 | - Do Điều 1 Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 14/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi quy định một số chế độ dinh dưỡng đặc thù cho vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao tại tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 5 Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 19/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Thừa Thiên Huế bãi bỏ. | 24/01/2013 01/02/2019 |
| 36. | Quyết định | 38/2013/QĐ-UBND Ngày 10/9/2013 Phê duyệt Đề án phát triển thể | - Điểm e Khoản 3 Điều 1 | Do Điều 6 Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về mức | 15/6/2018 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| | | thao thành tích cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020 | | thường, chế độ đãi ngộ đối với vận động viên, huấn luyện viên lập thành tích tại các giải thể thao quốc gia và quốc tế quy định thay thế. | |
| 37. | Quyết định | 60/2017/QĐ-UBND Ngày 11/8/2017 Ban hành quy định một số vấn đề trong việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017-2020 | - Điều 4; Khoản 5 Điều 6 - Khoản 9 và các điểm a, b, e Khoản 10 Điều 4; điểm c Khoản 5 Điều 6 | Do Điều 1 Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số vấn đề trong thực hiện nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 – 2020 quy định sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 1 Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định một số vấn đề trong thực hiện nếp sống văn minh đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 – 2020 quy định và bãi bỏ. | 15/4/2019 |
| 38. | Quyết định | 59/2018/QĐ-UBND Ngày 26/10/2018 Ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng Văn học nghệ thuật Cổ Đô tỉnh Thừa Thiên | - Khoản 1 Điều 16 | - Do Điều 1 Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 59/2018/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân ban hành Quy chế xét tặng Giải thưởng Văn học nghệ thuật Cổ Đô | 06/3/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | Huế | - Chương III: Hồ sơ, trình tự, tiêu chuẩn, điều kiện và thể loại xét tặng (Điều 12, 13, 14, 15) | tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 2 Quyết định 08/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xét tặng giải thưởng Văn học nghệ thuật Cổ đô tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 59/2018/QĐ-UBND quy định bãi bỏ. | |
| 39. | Quyết định | 57/2019/QĐ-UBND Ngày 25/9/2019 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cổ đô Huế | - Khoản 5 Điều 1 | Do Điều 1 Quyết định số 57/2020/QĐ-UBND ngày 14/11/2020 của UBND tỉnh Sửa đổi khoản 5 Điều 1 Quyết định số 57/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan di tích lịch sử văn hóa Huế thuộc quần thể di tích Cổ đô Huế sửa đổi. | 25/11/2020 |
| IV. Lĩnh vực: Nông nghiệp và phát triển nông thôn | | | | | |
| 40. | Nghị quyết | 8i/2010/NQCD-HĐND Ngày 02/6/2010 Về việc thông qua Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2009 - 2020 | - Điểm a, b, c, h Khoản 3 Điều 1 | Do Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐND ngày 08/4/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 8i/2010/NQCD-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định điều chỉnh. | 18/4/2016 |
| 41. | Nghị quyết | 04/2013/NQ-HĐND Ngày 17/4/2013 Về việc quy định một số chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ và phân cấp nhiệm vụ chi thực hiện công tác dân | - Điểm đ, khoản 1, Điều 1 | - Do điểm d Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên | 22/12/2014 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|------------------------------|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| | | quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điểm a, điểm d khoản 1 Điều 1 | trách và mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; ở thôn, bản (gọi chung là thôn), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi. - Do Điều 4 Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 Quy định số lượng và chế độ phụ cấp đối với Phó Chi huy trưởng Ban Chi huy quân sự cấp xã; mức phụ cấp hàng tháng đối với Thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. | 26/7/2021 |
| 42. | Nghị quyết | 20/2020/NQ-HĐND Ngày 23/12/2020 Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2025 | - Bổ sung Khoản 4 vào Điều 4 và Bổ sung Điều 7 vào Quy định kèm theo Nghị quyết | Do Điều 1 Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 – 2025 quy định bổ sung. | 15/11/2021 |
| V. Lĩnh vực: Xây dựng | | | | | |
| 43. | Quyết định | 34/2011/QĐ-UBND Ngày 19/9/2011 Về việc ban hành quy chế đánh và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | Khoản 5, 6 Điều 3; khoản 3 Điều 13 và bổ sung khoản 4 Điều 13 của Quy chế đánh số và gắn biển số nhà ban hành kèm theo Quyết định | Do Điều 1 Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành | 20/9/2013 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| | | | | kèm theo Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND quy định sửa đổi, bổ sung. | |
| 44. | Quyết định | 06/2014/QĐ-UBND Ngày 27/01/2014 Ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | Phụ lục Danh mục cây xanh bóng mát trồng trên đường phố, công viên - vườn hoa và các khu vực công cộng khác thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế kèm theo Quyết định số | Do Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã điều chỉnh danh mục cây xanh kèm theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 27/01/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định điều chỉnh. | 22/02/2017 |
| 45. | Quyết định | 65/2017/QĐ-UBND Ngày 15/8/2017 Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định - Khoản 3 Điều 7; Khoản 4 Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định | - Do Điều 1 Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 2 Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bãi bỏ. | 08/6/2020 |
| VI. Lĩnh vực: Lao động, Thương binh và Xã hội | | | | | |
| 46. | Quyết định | 47/2015/QĐ-UBND Ngày 07/10/2015 Ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 3, Điều 1 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định - Điều 8, Điều 9 Quy chế ban | - Do Quyết định số 50/2017/QĐ-UBND ngày 05/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. - Do Quyết định số 64/2019/QĐ-UBND | 20/7/2017 25/10/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|------------------|---|--|---|-----------------------------------|
| | | | hành kèm theo Quyết định | ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện các quy định của pháp luật về giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nghiện ma túy và đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định thay thế. | |
| VII. Lĩnh vực: Khiếu nại và Tố cáo | | | | | |
| 47. | Quyết định | 26/2014/QĐ-UBND Ngày 23/5/2014 Ban hành Quy định về việc tiếp nhận, xử lý đơn khiếu nại và giải quyết khiếu nại hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Mục I Chương VII của Quy định ban hành kèm theo Quyết định | Do Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định trình tự, thủ tục công bố Quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định hủy bỏ. | 06/9/2015 |
| 48. | Quyết định | 51/2016/QĐ-UBND Ngày 09/8/2016 Ban hành quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh | - Khoản 1, Điều 3; Khoản 1, Khoản 2, Điều 4; Khoản 1, Khoản 2, Điều 5; Điểm a, Khoản 1, Điều 6; Khoản 2, Điều 6; Khoản 3, Điều 10; Khoản 1, Điều 12; Khoản 2, Điều 21; Khoản 2, Điều 24 Quy định ban hành kèm theo Quyết định | Do Quyết định số 91/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh quy định sửa đổi, bổ sung. | 30/10/2017 |
| VIII. Lĩnh vực: Nội vụ | | | | | |
| 49. | Nghị quyết | 13/2019/NQ-HĐND Ngày 19/8/2019 Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động | - Khoản 1 Điều 2 | Do Điều 1 Nghị quyết số 38/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định | 20/12/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| | | không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ | | chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính và thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định sửa đổi. | |
| 50. | Quyết định | 18/2015/QĐ-UBND Ngày 20/4/2015 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 2 Điều 3 | Do Điều 2 Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Ban Dân tộc tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. | 28/9/2019 |
| 51. | Quyết định | 42/2015/QĐ-UBND Ngày 01/10/2015 Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ | - Điểm b Khoản 3 Điều 1 | Do Điều 2 Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hợp nhất các phòng chuyên môn thuộc Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ quy định bãi bỏ. | 20/01/2019 |
| 52. | Quyết định | 43/2015/QĐ-UBND Ngày 01/10/2015 Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ | - Điểm b Khoản 3 Điều 1 | Do Điều 2 Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hợp nhất các phòng chuyên môn thuộc Ban thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ quy định bãi bỏ. | 20/01/2019 |
| 53. | Quyết định | 57/2015/QĐ-UBND Ngày 28/10/2015 Về việc thành lập Chi cục Chăn nuôi và Thú y | - Điểm b Khoản 3 Điều 2 | Do Điều 1 Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung điểm b, Khoản 3, Điều 2 Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 của Ủy ban nhân | 10/4/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| | | | | dân tỉnh về việc thành lập Chi cục Chăn nuôi và Thú y quy định sửa đổi, bổ sung. | |
| 54. | Quyết định | 07/2016/QĐ-UBND Ngày 21/01/2016 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 1 Điều 1, khoản 6 Điều 2, điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định | Do Điều 1, Điều 2 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 03/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 07/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quy định sửa đổi, bổ sung. | 15/4/2021 |
| 55. | Quyết định | 35/2016/QĐ-UBND Ngày 27/5/2016 Về việc thành lập Sở Du lịch | - Điểm a khoản 1 Điều 3 - Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 | - Do Điều 1 Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu và tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Du lịch sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 3 Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu và tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Du lịch quy định bãi bỏ. | 15/9/2021 |
| 56. | Quyết định | 56/2016/QĐ-UBND Ngày 20/8/2016 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và | - Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định | - Do Điều 1 Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo | 15/6/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| | | cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo Quyết định | Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 20/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông và tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 3 Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 20/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông và tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Thông tin và Truyền thông quy định bãi bỏ. | |
| 57. | Quyết định | 59/2016/QĐ-UBND Ngày 20 /8/2016 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 2 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định - Điểm a Khoản 1 Điều 3; Khoản 2 Khoản 3 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định | - Do Điều 2 Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 13/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế quy định quy định bãi bỏ. - Do Điều 3 Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu thuộc Sở Công Thương bãi bỏ điểm a Khoản 1 Điều 3; Khoản 2, Khoản 3 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND | 25/3/2020 15/8/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
| | | | | ngày 20 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. | |
| 58. | Quyết định | 86/2016/QĐ-UBND Ngày 15/12/2016 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính | - Khoản 2, Điều 3 | Do Điều 2 Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sáp nhập và hợp nhất các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính quy định bãi bỏ. | 20/01/2019 |
| 59. | Quyết định | 08/2017/QĐ-UBND Ngày 13/02/2017 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 3 | Do Điều 3 Quyết định số 56/2019/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế quy định bãi bỏ. | 01/10/2019 |
| 60. | Quyết định | 93/2017/QĐ-UBND Ngày 06/11/2017 Về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh | - Khoản 2, Điều 3 | Do Điều 3 Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND 03/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức lại các phòng, ban thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bãi bỏ. | 15/6/2019 |
| 61. | Quyết định | 105/2017/QĐ-UBND Ngày 28/12/2017 Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng, phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Thanh tra tỉnh; Chánh Thanh | - Điểm đ, Điểm e, Khoản 4 Điều 4; Khoản 1 Điều 5; Khoản 1 Điều 6 | Do Điều 1 Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 105/2017/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh quy định sửa đổi, bổ sung. | 28/9/2019 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | tra, Phó Chánh Thanh tra Sở, ban, ngành; Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | | | |
| 62. | Quyết định | 22/2018/QĐ-UBND Ngày 03/4/2018 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ | - Điểm a Khoản 2 Điều 3 | Do Điều 2 Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hợp nhất các phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ quy định bãi bỏ. | 20/01/2019 |
| 63. | Quyết định | 48/2018/QĐ-UBND Ngày 31/8/2018 Ban hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Khoản 3, Khoản 4 của Điều 6; Điểm a, Khoản 1 của Điều 7; Khoản 2 của Điều 7; Khoản 2 của Điều 7; Khoản 2 của Điều 7; Điểm a, b Khoản 3 Điều 7; Khoản 1 Điều 8; Khoản 2 Điều 9; Điều 14 Quy định ban hành kèm theo Quyết định | Do Điều 1 Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi. | 01/6/2019 |
| 64. | Quyết định | 32/2019/QĐ-UBND Ngày 05/6/2019 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điểm c, khoản 2, Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định | Do Quyết định số 77/2019/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 2, Điều 3 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. | 25/12/2019 |
| 65. | Quyết định | 58/2019/QĐ-UBND | - Khoản 1 Điều 5 Quy chế | Do Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND | 09/4/2021 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---------------------------------|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | | Ngày 26/9/2019 Ban hành Quy chế xét tuyên dương cho doanh nghiệp, doanh nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | ban hành kèm theo Quyết định | ngày 30/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi khoản 1 Điều 5 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế xét tuyên dương cho doanh nghiệp, doanh nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. | |
| 66. | Quyết định | 63/2019/QĐ-UBND Ngày 09/10/2019 Ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 1; Khoản 2 Điều 3; Khoản 2 Điều 7; Điều 8; Điều 9 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định | Do Điều 1 Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 63/2019/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định sửa đổi, bổ sung. | 03/11/2020 |
| IX. Lĩnh vực: Tư pháp | | | | | |
| 67. | Quyết định | 25/2017/QĐ-UBND Ngày 05/5/2017 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Nội dung mức thu được quy định tại số thứ tự thứ 2 Mục I Bảng mức thu phí khoản 4 Điều 1 | Do Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi. | 20/8/2019 |
| X. Lĩnh vực: Công Thương | | | | | |
| 68. | Quyết định | 74/2016/QĐ-UBND Ngày 18/10/2016 | - Khoản 1 và khoản 3 Điều 3; Khoản 4 Điều 4; Khoản 2 | - Do Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh | 01/7/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| | | Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí đối với hoạt động khuyến công | Điều 5; Điểm a, điểm c và điểm đ khoản 3 Điều 7; Điểm a, điểm c và điểm d khoản 4 Điều 7; Khoản 7 Điều 7; Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 10; Khoản 2 và khoản 5 Điều 10; Khoản 7 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định -Khoản 3 Điều 8; khoản 6 Điều 10 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí đối với hoạt động khuyến công ban hành kèm theo Quyết Định số 74/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi. - Do Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 18/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bãi bỏ. | |
| XI. Lĩnh vực: Khoa học và Công nghệ | | | | | |
| 69. | Quyết định | 49/2015/QĐ-UBND Ngày 08/10/2015 Ban hành quy định quản lý an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | - Điều 10, khoản 2 Điều 11, điểm d khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 19, khoản 4 Điều 20, khoản 4 và khoản 8 Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định - Các khoản 11, 12, 13 Điều 21 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định | - Do Điều 1 Quyết định số 60/2020/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 49/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định quản lý an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định sửa đổi, bổ sung. - Do Điều 2 Quyết định số 60/2020/QĐ-UBND quy định bãi bỏ. | 04/12/2020 |
| XII. Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo | | | | | |
| 70. | Quyết định | 63/2013/QĐUBND Ngày 27/12/2013 Ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn | - Khoản 2 Điều 3; khoản 1, 4 Điều 4; khoản 2 Điều 5; Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12 Quy định ban hành kèm theo | Do Quyết định số 59/2020/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 63/2013/QĐ- | 04/12/2020 |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|--|------------------|---|---|---|-----------------------------------|
| | | tỉnh Thừa Thiên Huế | Quyết định | UBND ngày 27/12/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế quy định bãi bỏ. | |
| B. VĂN BẢN NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản | | | | | |

Tổng cộng: 70 văn bản